| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN HAI BÀ TRƯNG - TP.HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26/1/2022
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà **Lại Nguyệt Ánh**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Nguyễn Thị Tuyết Trang
  Bà Nguyễn Thị Huyền Nga
- ***Thư ký phiên toà***: Ông Lê Quang Đạo - Thư ký Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà***: Bà Hoàng Thị Hoài Phương - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 26 tháng 1 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 550/2021/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2021/QĐXX-ST ngày 29 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Chị Đỗ Kim D - sinh năm: 1986

HKTT: tổ 5 phường T, quận H, Hà Nội.

(*có mặt tại phiên tòa*)

*Bị đơn*: Anh Nguyễn Trọng H – sinh năm: 1980

HKTT: số 36 đường T, số mới số 3 ngõ 27 đường T, phường N (nay là phường P), quận H, Hà Nội.

Hiện đang thi hành án tại Đội 9, K2, trại giam Thanh Cẩm, xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa ( *xin vắng mặt tại phiên tòa* )

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:***

Chị và anh Nguyễn Trọng H lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường N (nay là phường P) năm 2014 trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu nhau, trước đó chưa ai có vợ có chồng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số 3

ngõ 27 đường T, phường N (nay là phường P), quận H, Hà Nội là nhà của bố mẹ anh H.

Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc nguyên nhân do tính cách và quan điểm không hòa hợp, anh H nghiện ma túy từ lâu. Năm 2019 anh H bị Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xử 7 năm 6 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Trước khi bị bắt đi thi hành án phạt tù anh H vẫn ở cùng bố mẹ tại địa chỉ số 3 ngõ 27 đường T, phường P, quận H, Hà Nội. Hiện anh H đang thi hành án tại trại giam Thanh Cầm, tỉnh Thanh Hóa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nguyện vọng của chị xin được ly hôn.

**Về con*: vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Trọng N – sinh ngày: 12/7/2007, Nguyễn Trọng H1 – sinh ngày: 20/3/2014, sức khỏe bình thường hiện đang sống cùng chị. Chị có nguyện vọng xin được nuôi cả hai con cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Hiện chị đang làm lao động tự do thu nhập trung bình 5.000.000 đồng một tháng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản, nhà ở và công nợ: Chị xác định vợ chồng chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

*Tại bản tự khai anh H trình bày:*

Anh và chị D được tự do tìm hiểu không bị ai ép buộc. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận H, Hà Nội vào năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số 3 ngõ 27 đường đường T, phường N, quận H, Hà Nội là nhà của bố mẹ anh. Đến năm 2019 anh vi phạm pháp luật nghiện ma túy, không nghe theo lời khuyên của người thân trong gia đình. Anh bị Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xử 7 năm 6 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Nay chị D gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, anh đồng ý ly hôn. Trước khi bị bắt anh sinh sống tại số 3 ngõ 27 đường T, phường N, quận H, Hà Nội. Do anh đang phải chấp hành án phạt tù nên không thể có mặt tại tòa án để giải quyết theo quy định. Anh đề nghị Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng cho anh được vắng mặt tại phiên tòa và vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

*Về con*: vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Trọng N – sinh ngày: 12/7/2007, Nguyễn Trọng H1 – sinh ngày: 20/3/2014, sức khỏe bình thường hiện đang sống cùng chị D. Anh đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề con chung theo đúng quy định của pháp luật.

**Về tài sản, nhà ở và công nợ*: Anh xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác

**Tại phiên tòa,**

Chị Đỗ Kim D giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Trọng H và giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên.

Ngoài ra, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc thụ lý và giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các trình tự, thủ tục tố tụng pháp luật quy định. Những người tham gia tố tụng cũng chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Căn cứ vào nội dung vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị D đối với anh H. Chị Đỗ Kim D được ly hôn anh Nguyễn Trọng H.

Về con chung: Giao cả hai con chung là cháu Nguyễn Trọng N – sinh ngày: 12/7/2007, Nguyễn Trọng H1 – sinh ngày: 20/3/2014 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh H cho đến khi chị D yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh H được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản, nhà ở chung và công nợ: anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1] **Về tố tụng**:

*Về thẩm quyền*: Anh Nguyễn Trọng H trước khi bị bắt ở tại số 3 ngõ 27 đường T, phường N (nay là phường P), quận H, Hà Nội. Quá trình xác minh chính quyền địa phương cũng xác nhận nội dung anh H trước khi bị bắt ở tại số 3 ngõ 27 đường T, quận H, Hà Nội là nhà của bố mẹ anh H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Về việc vắng mặt bị đơn:* Quá trình giải quyết vụ án anh H có đơn xin vắng

mặt tại phiên tòa do đó căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn xét xử vắng mặt anh H.

[2] **Về nội dung**:

Chị Đỗ Kim D và anh Nguyễn Trọng H lấy nhau có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số 01 ngày 21/8/2014 tại tại UBND phường N nay là phường P, quận H, Hà Nội trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc chỉ một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân theo chị D và anh H là do không hợp nhau bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự chia sẻ quan tâm chăm sóc lẫn nhau, khó khăn về kinh tế, anh H vướng vào nghiện ma túy và bị Tòa án xét xử về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Hiện anh H đang thi hành án phạt tù tại trại giam Thanh Cẩm Thanh Hóa.

Biên bản xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Anh H và chị D quá trình chung sống tại địa phương xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do khó khăn về kinh tế, anh H nghiện ma túy và nhiều lần đã bị Tòa án xét xử về tội phạm ma túy. Lần phạm tội gần đây nhất là năm 2019, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xử 07 năm 6 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Hiện anh H đang thi hành án tại trại giam Thanh Cẩm, Thanh Hóa. Quá trình sinh sống tại địa phương anh H thường xuyên vi phạm pháp luật ra tù được một thời gian lại tiếp tục phạm tội. Nay chị D gửi đơn ra Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình ấm no, tiến bộ và hạnh phúc, các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau. Cuộc sống chung của chị D và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Hội đồng xét xử xét thấy việc chị D yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ. Bản thân anh H cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị D.

Về con chung: Hai bên xác nhận vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Trọng N – sinh ngày: 12/7/2007, Nguyễn Trọng H1 – sinh ngày: 20/3/2014, hiện cả hai con chung đang ở với chị D. Theo chính quyền địa phương cho biết hai con chung, hiện đang ở với chị D, các cháu đều ngoan và khỏe mạnh. Đề nghị Tòa án giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho các cháu vì anh H hiện đang phải thi hành án phạt tù. Bản thân chị D có công việc và có thu nhập trung bình 5.000.000 đồng/tháng. Anh H hiện đang thi hành án tại trại giam. Chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Do đó, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình Hội

đồng xét xử giao cả hai con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh H cho đến khi chị D có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác.

Các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về tài sản, nhà ở và công nợ: Chị D và anh H xác nhận anh chị không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Ngoài ra, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

[3] Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về "án phí và lệ phí Tòa án" và khoản 4 Điều 147 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

[4] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273– Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

*- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điểu 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147;Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 267; Điều 271; Điều 273; Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.*

*- Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.*

*- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.*

**Xử:**

1.Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đỗ Kim D đối với anh Nguyễn Trọng H. Chị Đỗ Kim D được ly hôn anh Nguyễn Trọng H.

2.Về con chung: Giao chị D ( mẹ đẻ ) trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc hai con chung Nguyễn Trọng N – sinh ngày: 12/7/2007, Nguyễn Trọng H1 – sinh ngày: 20/3/2014 kể từ tháng 1/2022 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh H cho đến khi chị D có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác.

Các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản, nhà ở chung: Hai bên không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về công nợ: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 11913 ngày 28 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm chị D có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**
- *Các đương sự;*
- *Viện kiểm sát Q. Hai Bà Trưng;*
- *Thi hành án Q. Hai Bà Trưng;*
- *Tòa án nhân dân TP Hà Nội;*
- *Lưu hồ sơ*

Lại Nguyệt Ánh